

# **QUY TRÌNH VÀ KỸ NĂNG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND**

## **I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách được ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp Hiến, tính hợp pháp, phù hợp với thực tiễn, như vậy khâu phân tích, đánh giá chính sách cần phải được làm rất kỹ lưỡng, khoa học, có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân, các chuyên gia, nhà khoa học. Hơn nữa chính sách đó phải được xuất phát từ thực tiễn để giải quyết vấn đề của thực tiễn, phải có một quy trình chặt chẽ để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động phân tích, phê duyệt chính sách trước khi tiến hành soạn thảo.

Xây dựng, đánh giá chính sách pháp luật là một hoạt động có vai trò rất quan trọng, thể hiện đường lối, quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước, nguyện vọng của nhân dân, của các đối tượng thi hành đối với vấn đề mà dự án văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh. Khi một chính sách được đề ra thì cần xem xét, đánh giá sự cần thiết, mức độ tác động về các mặt kinh tế - xã hội, tính khả thi, điều kiện bảo đảm thực hiện của chính sách đó. Từ đó, các cơ quan, tổ chức được giao soạn thảo các quy phạm pháp luật cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Luật BHVBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) đã quy định rõ quy trình phân tích, đánh giá chính sách trước khi soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tách bạch với quy trình soạn thảo văn bản. Quy trình xây dựng chính sách được áp dụng đối với luật, pháp lệnh và một số loại nghị định của Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Đây là điểm mới mang tính đột phá. Theo quy định của Luật, giai đoạn xây dựng, phê duyệt chính sách được quy định trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tương ứng với mỗi loại hình văn bản quy phạm pháp luật, Luật quy định cụ thể về trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

\* Theo quy định của Luật, chính sách là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định.

\* Các văn bản quy phạm pháp luật sau phải lập đề nghị xây dựng văn bản (xây dựng, đánh giá phê duyệt chính sách) trước khi tiến hành soạn thảo:

(1) Luật, pháp lệnh.

(2) Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c Khoản 2 Điều 15 của Luật BHVBQPPL (về thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành; về tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật; về đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân);

(3) Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 16 của Luật BHVBQPPL (về tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần pháp lệnh; về đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội).

(4) Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật BHVBQPPL (quy định vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội).

(5) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật BHVBQPPL (quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương).

\* Chủ thể lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (thực hiện quy trình xây dựng, phê duyệt chính sách) bao gồm:

- Chủ tịch nước;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban của Quốc hội;
- Chính phủ (bộ, cơ quan ngang bộ);
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận;
- Đại biểu Quốc hội;
- UBND cấp tỉnh, các ban của HĐND cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh.

## **II. QUY TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND CẤP TỈNH**

### **1. Chủ thể lập đề nghị**

UBND cấp tỉnh, các Ban của HĐND cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh là các chủ thể có quyền đề nghị xây dựng nghị quyết, có trách nhiệm lập đề nghị xây dựng nghị quyết.

Riêng đối với nghị quyết UBND chủ trì lập đề nghị thì các sở, ngành có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND lập đề nghị.

## **2. Căn cứ lập đề nghị xây dựng nghị quyết**

Căn cứ lập đề nghị xây dựng nghị quyết gồm:

- Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;
- Căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;
- Kết quả tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội phát sinh;
- Yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- Cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.
- Đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND.

## **3. Quy trình, thủ tục lập đề nghị xây dựng nghị quyết**

Quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết gồm các bước sau:

**Bước 1:** Xây dựng nội dung chính sách.

**Bước 2:** Đánh giá tác động của chính sách.

**Bước 3:** Xây dựng dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh.

**Bước 4:** Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết.

**Bước 5:** Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết.

**Bước 6:** Ủy ban nhân dân xem xét, thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết.

Sau khi thực hiện xong bước 6, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND cấp tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết để xem xét, quyết định.

### **3.1. Bước 1: Xây dựng nội dung chính sách**

**3.1.1. Để xây dựng nội dung chính sách, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện một hoặc một số hoạt động sau:**

- Nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng về các lĩnh vực thuộc phạm vi tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực và trong phạm vi địa phương.
- Nghiên cứu VBQPPL ở trung ương.

- Tham mưu cho UBND cấp tỉnh tiến hành tổng kết việc thi hành pháp luật lĩnh vực thuộc phạm vi tham mưu quản lý hoặc có thể tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng quan hệ xã hội phát sinh.

- Nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Nghiên cứu yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Nghiên cứu sự chỉ đạo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên.

- Tổng hợp, nghiên cứu các vấn đề bất cập từ thực tiễn thông qua hoạt động tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước, hoạt động thanh tra, kiểm tra mà phát hiện ra các vấn đề thuộc lĩnh vực cơ quan, tổ chức mình đang quản lý không còn phù hợp với thực tiễn.

- Nghiên cứu kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND, doanh nghiệp, cá nhân về các vấn đề thuộc phạm vi tham mưu quản lý ngành lĩnh vực và trong phạm vi địa phương mình.

### ***3.1.2. Xác định các vấn đề cần giải quyết***

Thông qua việc tiến hành các hoạt động trên, sở, ban, ngành sẽ xác định các vấn đề bất cập mà thực tiễn đặt ra cần phải giải quyết liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi tham mưu quản lý nhà nước của mình hoặc phát hiện những vấn đề bất cập thuộc lĩnh vực quản lý của các cơ quan khác, từ đó có thể kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các bất cập đó.

*Ví dụ:* Báo cáo về tình hình kinh tế xã hội của tỉnh nhận định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn; một số chỉ tiêu tuy có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng còn thấp, chưa đạt kế hoạch; tái cơ cấu các ngành còn chậm, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn; việc thu hút các nhà đầu tư đến để đầu tư sản xuất, kinh doanh ở địa phương không được tốt,...

Từ báo cáo trên cho thấy vấn đề bất cập ở đây là sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh chậm, không đạt được các chỉ tiêu đề ra.

### ***3.1.3. Xác định nguyên nhân của vấn đề cần giải quyết***

Khi xác định được các vấn đề bất cập cần giải quyết thì sở, ban, ngành phải làm rõ được nguyên nhân gây ra các vấn đề đó. Các nguyên nhân có thể là:

- Nguyên nhân từ thể chế: vấn đề trên thực tiễn là do các quy định của pháp luật chưa phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, cam kết quốc tế; không phù hợp với văn bản mới hay thực tiễn; không đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

- Nguyên nhân từ thực thi pháp luật: trách nhiệm triển khai thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước; sự tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân,...

- Nguyên nhân khác: sự hiểu biết pháp luật, điều kiện kinh tế xã hội của từng đơn vị hành chính,...

\* *Phân tích ở ví dụ trên:*

+ Nguyên nhân từ thể chế: quy định của tỉnh về các cơ chế ưu đãi đầu tư không hấp dẫn, không thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, thủ tục hành chính còn phức tạp, rườm rà,...

+ Nguyên nhân từ thực thi: các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh chưa tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, còn gây khó khăn cho doanh nghiệp khi giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền như cấp phép, giải phóng mặt bằng,...

+ Nguyên nhân khác: địa lý, cơ sở hạ tầng của tỉnh, nhân lực lao động, trình độ dân trí,...

### **3.1.4. Mục tiêu tổng thể, cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề**

Khi giải quyết vấn đề bất cập từ thực tiễn thì phải xác định rõ:

- Mục tiêu tổng thể cần đạt được là gì?

- Để đạt được mục tiêu tổng thể thì mục tiêu cụ thể phải đạt được ra sao?

Việc xác định rõ ràng các mục tiêu cần đạt được sẽ giúp cho việc đề ra các chính sách, các giải pháp thực hiện chính sách để giải quyết các vấn đề bất cập cần phải hướng tới các mục tiêu đã đề ra.

*Ví dụ:* Ở ví dụ trên

+ Mục tiêu tổng thể cần đạt được là thu hút mạnh các nhà đầu tư, các doanh nghiệp tham gia vào đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

+ Mục tiêu cụ thể cần đạt được là tăng nguồn thu cho ngân sách của tỉnh; tạo công ăn việc làm cho người lao động;...

### **3.1.5. Định hướng để giải quyết từng vấn đề**

Trước các vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của từng vấn đề đã được xác định cụ thể ở trên. Căn cứ chủ trương đường lối của Đảng, Hiến pháp, các quy định của pháp luật, cơ quan lập đề nghị phải nêu cụ thể các định hướng giải quyết từng vấn đề, kèm theo mỗi định hướng đó là các giải pháp thực hiện.

*Ví dụ:* lấy cụ thể ví dụ trên.

- Định hướng tăng cường các chính sách thu hút đầu tư;

- Thu hút, đẩy mạnh các nguồn lực nội bộ của tỉnh để phát triển.
- (Định hướng n)...

Khi xác định các định hướng giải quyết từng vấn đề, với mỗi định hướng giải quyết cơ quan lập đề nghị phải đề ra các giải pháp cụ thể để giải quyết:

\* *Chẳng hạn ở ví dụ trên*, phương án giải quyết có thể là:

- Ở định hướng thứ nhất tăng cường các chính sách thu hút đầu tư, giải pháp có thể là:

+ Giải pháp 1: Ưu đãi về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước, hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng; hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng; hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư thực hiện đào tạo nghề cho lao động...

+ Giải pháp 2: Cắt giảm thủ tục hành chính, hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ xúc tiến thương mại,...

+ Giải pháp n:

### ***3.1.6. Xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách***

Căn cứ vào các định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản cần xác định rõ:

- Ai là người chịu tác động trực tiếp của chính sách (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân,...), nêu rõ tác động tích cực, tác động tiêu cực.

- Ai là người chịu trách nhiệm thực hiện chính sách (cơ quan, tổ chức,...)

Ở ví dụ trên:

+ Đối tượng, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách: cơ quan nhà nước

+ Đối tượng, nhóm đối tượng sẽ chịu sự tác động của chính sách: tất cả các cơ quan, tổ chức, nhà đầu tư, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh.

### ***3.1.7. Xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề***

Từ các vấn đề cần giải quyết, định hướng giải quyết, các giải pháp cụ thể, cơ quan lập đề nghị phải xác định rõ cơ quan nào có thẩm quyền quyết định giải quyết vấn đề: Cơ quan trung ương hay HĐND hay UBND cấp tỉnh.

*Ở ví dụ trên*: Thẩm quyền giải quyết vấn đề tăng cường thu hút đầu tư thuộc về HĐND cấp tỉnh. Hình thức quy định giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh.

### ***3.1.8. Sản phẩm của việc xây dựng nội dung chính sách***

Sản phẩm của việc xây dựng nội dung chính sách là Báo cáo các nội dung:

- Xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề.
- Xác định Mục tiêu tổng thể, cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề.
- Xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề.
- Xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách.
- Xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề.

### **3.2. Bước 2: Đánh giá tác động của chính sách**

Sau khi xây dựng nội dung chính sách tại bước 1, sở, ban, ngành lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách.

Đánh giá tác động của chính sách là việc phân tích, dự báo tác động của chính sách đang được xây dựng đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách.

#### ***3.2.1. Tác động của chính sách được đánh giá theo các nội dung:***

(1) Tác động về kinh tế - Đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế;

(2) Tác động về xã hội - Đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan;

(3) Tác động về giới (nếu có) - Đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới;

(4) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) - Đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách;

(5) Tác động đối với hệ thống pháp luật - Đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo khả năng về thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các Điều ước quốc tế.

#### ***3.2.2. Phương pháp đánh giá tác động của chính sách***

Tác động của chính sách được thực hiện theo phương pháp định lượng và phương pháp định tính. Trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo phải nêu rõ lý do.

### **3.2.3. Trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách**

Sở, ban, ngành lập đề nghị xây dựng xây dựng nghị quyết có trách nhiệm:

- Xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo Mẫu kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP;
- Lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo.

### **3.2.4. Nội dung, bố cục của báo cáo đánh giá tác động của chính sách**

Nội dung Báo cáo thể hiện nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, theo đó nêu rõ: vấn đề cần giải quyết; mục tiêu của chính sách; giải pháp để thực hiện chính sách; tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích và so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp và lý do của việc lựa chọn; nội dung đánh giá tác động thủ tục hành chính, tác động về giới (nếu có) (khoản 2 Điều 35 Luật BHVBQPPL).

### **3.2.5. Sử dụng thông tin khi đánh giá tác động của chính sách**

Thông tin được sử dụng khi xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải chính xác, trung thực và ghi rõ nguồn thông tin.

### **3.2.6. Sản phẩm của việc đánh giá tác động của chính sách**

Sản phẩm của việc đánh giá tác động của chính sách là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

## **3.3. Bước 3: Lập hồ sơ đề nghị**

Sau khi tổ chức đánh giá tác động của chính sách, sở, ban, ngành có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Việc lập hồ sơ căn cứ vào các kết quả thực hiện tại bước 1 và bước 2.

Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết bao gồm:

(1) Tờ trình đề nghị, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh; mục tiêu, nội dung chính sách và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

(2) Báo cáo đánh giá tác động chính sách, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp;



so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

(3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

(4) Tài liệu khác (nếu có).

### **3.4. Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến về đề nghị**

Trong quá trình lập đề nghị, cơ quan lập đề nghị có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến như sau:

#### **3.4.1. Trách nhiệm của sở, ban, ngành lập đề nghị**

- Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

- Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách. Khi lấy ý kiến thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý.

- Lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến;

Việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

- Gửi hồ sơ đề nghị đến MTTQ cấp tỉnh và nếu nội dung có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thì gửi đến tổ chức đại diện doanh nghiệp (Chi nhánh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, hiệp hội doanh nghiệp...) để lấy ý kiến;

- Trong trường hợp cần thiết, cơ quan lập đề nghị tổ chức đối thoại trực tiếp với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp;

- Nghiên cứu ý kiến góp ý để hoàn thiện đề nghị. Bản Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý phải được đăng tải cùng với các tài liệu theo hồ sơ đề nghị trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

#### **3.4.2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến**

Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm góp ý bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

#### **3.4.3. Về đối tượng lấy ý kiến bao gồm:**

- Đối tượng chịu tác động trực tiếp;

- Sở, ban ngành của tỉnh, HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã, MTTQ cấp tỉnh, chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc Hiệp hội doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Đối với đề nghị xây nghị quyết không do UBND cấp tỉnh trình, cơ quan lập đề nghị có trách nhiệm lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh và nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của UBND.

#### ***3.4.4. Phương thức lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến***

*\* Cơ quan đề nghị có thể thực hiện việc lấy ý kiến bằng phương thức sau:*

- Lấy ý kiến thông qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lấy ý kiến bằng văn bản;
- Tổ chức truyền thông và tổ chức hội nghị, tọa đàm, hội thảo lấy ý kiến;
- Tổ chức lấy ý kiến thông qua các phương tiện thông tin đại chúng;
- Tổ chức điều tra xã hội học;
- Các hình thức khác.

*\* Ý kiến tham gia phải được tổng hợp theo các nhóm đối tượng sau đây:*

- Các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp;
- Các cơ quan quản lý nhà nước;
- Các hội, hiệp hội, doanh nghiệp;
- Các chuyên gia, nhà khoa học;
- Các đối tượng khác (nếu có).

#### ***3.4.5. Sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong quá trình lập đề nghị***

Trong quá trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết, cơ quan, tổ chức lập đề nghị có thể huy động sự tham gia của các viện nghiên cứu, trường đại học, hội, hiệp hội, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học vào các hoạt động sau:

- Tổng kết, đánh giá VBQPPL và tình hình thi hành pháp luật;
- Khảo sát, điều tra xã hội học; đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến các chính sách trong đề nghị;
- Tập hợp, nghiên cứu, so sánh tài liệu, Điều ước quốc tế có liên quan đến các chính sách trong đề nghị;
- Đánh giá tác động của chính sách.

#### ***3.4.6. Sản phẩm của việc lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết***

- Bản tổng hợp các ý kiến góp ý.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân

### **3.5. Bước 5: Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết**

#### ***3.5.1. Thẩm quyền thẩm định***

Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình.

Sở Tư pháp không thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do các Ban của HĐND, MTTQ cấp tỉnh lập.

#### ***3.5.2. Nhiệm vụ của Sở Tư pháp***

Khi thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết, Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Lựa chọn hình thức và tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết do Ủy ban nhân dân cùng cấp trình, đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng;
- Tổ chức nghiên cứu các nội dung liên quan đến đề nghị;
- Trường hợp cần thiết, tổ chức các hội thảo, tọa đàm về đề nghị.
- Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu; thuyết trình về nội dung đề nghị.
- Bảo đảm sự tham gia của đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học vào quá trình thẩm định;

#### ***3.5.3. Trách nhiệm của cơ quan lập đề nghị***

- Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo đề nghị xây dựng nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND cấp tỉnh.

- Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cử đại diện tham gia thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND do Sở Tư pháp thẩm định.

#### ***3.5.4. Nội dung thẩm định***

Thẩm định đề nghị xây dựng tập trung vào các nội dung sau:

- (1) Sự cần thiết ban hành văn bản; đối tượng, phạm vi điều chỉnh;
- (2) Sự phù hợp của nội dung chính sách với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;

(3) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách;

(4) Tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên;

(5) Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản (nếu có); việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị (nếu có);

(6) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị.

#### **3.5.5. Hồ sơ thẩm định gồm:**

(1) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết;

(2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;

(3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

(4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

(5) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

(6) Tài liệu khác (nếu có).

#### **3.5.6. Thời gian thẩm định:**

Thẩm định trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

#### **3.5.7. Báo cáo thẩm định**

Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến của Sở Tư pháp về các nội dung thẩm định; đồng thời có kết luận cụ thể việc đề nghị có đủ điều kiện hoặc chưa/không đủ điều kiện trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, thông qua. Báo cáo thẩm định được gửi đến cơ quan chủ trì lập đề nghị chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định.

### **3.6. Bước 6: Thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết**

#### **3.6.1. Hồ sơ đề nghị khi trình thông qua:**

(1) Hồ sơ sau khi chỉnh lý, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định;

(2) Báo cáo thẩm định;

(3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

(4) Các tài liệu khác (nếu có).

#### **3.6.2. Thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết**

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do UBND cấp tỉnh trình thì UBND có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị vào phiên họp thường kỳ của UBND.

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do các ban của HĐND cấp tỉnh, MTTQ cấp tỉnh đề nghị thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

### **3.7. Thường trực HĐND cấp tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết**

#### **3.7.1. Hồ sơ trình Thường trực HĐND cấp tỉnh**

(1) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh; mục tiêu, nội dung chính sách và các giải pháp để thực hiện chính sách được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

(2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành; các giải pháp thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

(3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

(4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

(5) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp;

(6) Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền.

(7) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

(8) Tài liệu khác (nếu có).

#### **3.7.2. Phân công cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo nghị quyết**

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết. Trường hợp chấp thuận, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có văn bản thể hiện rõ nội dung sau:

- Phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết;

- Thời hạn trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Nêu rõ giao Ủy ban nhân dân bố trí kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo.